

Bản án số: 679/2018/KDTM-ST
 Ngày: 27/6/2018
 V/v: “Tranh chấp
 Hợp đồng đại lý”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
 2/- Ông Nguyễn Bá Duy Phương

Thư ký phiên tòa : Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Q3,
 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :
 Bà Nguyễn Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 999/2016/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2018/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2018/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty P (VietNam).

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà X, 8 đường Q, Phường W, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn :

Ông Võ K – Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2016. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty R.

Địa chỉ: Số X đường O, Phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn :

Bà Nguyễn C - Đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số Y đường O, Phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, hòa giải nguyên đơn Công ty P (VietNam) có ông Võ K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/04/2013 Công ty P (Viet Nam) và Công ty R đã ký hợp đồng đại lý phân phối hàng hóa số 01/2015/HĐĐ, theo đó thì Công ty R là đại lý phân phối cho Công ty P (VietNam) trong việc tiêu thụ và bán máy điều hòa nhiệt độ các loại

mang nhãn hiệu P do tập đoàn P sản xuất. Quá trình thực hiện hợp đồng của các bên như sau :

- Từ ngày 02/04/2015 đến ngày 09/09/2015, Công ty P (VietNam) đã xuất bán hàng cho Công ty R với tổng giá trị là: 38.383.878.177 đồng, về phía Công ty R đã thanh toán cho Công ty P (VietNam) tổng cộng là: 38.384.076.219 đồng. Số tiền mà Công ty R thanh toán thừa là 198.042 đồng.

Tuy nhiên đối với các đơn hàng mà Công ty R đã đặt mua từ ngày 15/09/2015 đến hết ngày 25/09/2015 với tổng giá trị là 3.740.254.985 đồng, Công ty R chỉ mới thanh toán cho Công ty P (VietNam) tổng cộng là 220.000.000 đồng.

Như vậy, sau khi đã căn trừ khoản tiền mua thừa đợt trước, cho đến thời điểm hiện nay Công ty R còn nợ Công ty P (VietNam) số tiền nợ gốc là 3.520.056.943 đồng.

- Việc yêu cầu thanh toán nợ của Công ty P (VietNam) và phản hồi của Công ty R :

Vào các ngày 27/10/2015, 01/12/2015, 15/12/2015, Công ty P (VietNam) đã có công văn đề nghị thanh toán nợ gửi trực tiếp đến địa chỉ trụ sở của Công ty R, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện nay Công ty P (VietNam) vẫn không nhận được bất kì phản hồi nào từ phía Công ty R, cũng như không nhận được bất kì khoản thanh toán nào, theo yêu cầu trong thư đã gửi. Do đó, Công ty P (VietNam) quyết định đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án.

Nay công ty đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của như sau :

- Buộc Công ty R thanh toán ngay cho Công ty P (VietNam) các khoản sau:

(1) Khoản nợ gốc còn lại là 3.520.056.943 đồng (Bằng chữ : ba tỷ năm trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng)

(2) Lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 2.4(a) của Hợp đồng với mức lãi suất là 0,9%/tháng tính trên tổng số dư nợ, tương đương 0,03%/ngày, tạm tính đến ngày 29/8/2016 là: 331.069.645 đồng (Bằng chữ: ba trăm ba mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn lăm đồng).

(3) Tiền vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 9.6 của Hợp đồng và Điều 301 Luật Thương Mại với mức phạt là 8% tính trên tổng giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm là : 281.604.555 đồng (Bằng chữ: hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Tổng số tiền là : 4.132.731.143 đồng

Ngoài ra, đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty R có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán như mức nói trên tính trên tổng số dư nợ phải trả , cho đến ngày tuyên án và đối với toàn bộ số nợ phải trả theo án tuyên cho đến khi Công ty R thi hành xong bản án.

Bị đơn : Công ty R có bà Nguyễn C, là người đại diện theo pháp luật dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên Công ty P (VietNam) có ông Võ K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét :

- Buộc Công ty R thanh toán ngay cho Công ty P (VietNam) khoản nợ gốc còn lại là 3.520.056.943 đồng (Bằng chữ : ba tỷ năm trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng) ; Lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 2.4(a) của Hợp đồng với mức lãi suất là 0,9%/tháng tính trên tổng số dư nợ, tính từ 27/10/2015 đến ngày xét xử 27/06/2016 là 32 tháng với số tiền lãi là 1.013.776.400 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, lẻ mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng).

Tiền vi phạm hợp đồng với mức phạt là 8% tính trên tổng giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm là : 281.604.555 đồng (Bằng chữ: hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Tổng số tiền là : 4.815.437.898 đồng. Yêu cầu thanh toán 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty R có bà Nguyễn C là người đại diện theo pháp luật dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền :

Nguyên đơn là Công ty P (VietNam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng đại lý với bị đơn Công ty R. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 3 theo thỏa thuận trong Hợp đồng đại lý phân phối hàng hóa số 01/2015/HĐĐL ngày 01/04/2013 đã ký kết giữa hai bên. Xét việc lựa chọn này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

Xét bị đơn là Công ty R có bà Nguyễn C là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Căn cứ vào Hợp đồng đại lý phân phối hàng hóa số 01/2015/HĐĐL ngày 01/04/2013 có đủ cơ sở để xác định Công ty P (VietNam) và Công ty R có ký kết hợp đồng đại lý.

Căn cứ vào các phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa và các hóa đơn giá trị gia tăng gồm:

- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013508 ngày 15/09/2015 số tiền 793.153.554 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013550 ngày 16/09/2015 số tiền 208.393.992 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013575 ngày 16/09/2015 số tiền 165.879.475 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013691 ngày 18/09/2015 số tiền 354.318.383 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013727 ngày 19/09/2015 số tiền 307.115.929 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013760 ngày 21/09/2015 số tiền 192.949.878 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013791 ngày 21/09/2015 số tiền 97.966.586 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013844 ngày 22/09/2015 số tiền 236.348.962 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013893 ngày 22/09/2015 số tiền 336.686.090 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0013986 ngày 23/09/2015 số tiền 441.125.696 đồng.
- Hóa đơn GTGT số SA/15T-0014163 ngày 25/09/2015 số tiền 386.118.398 đồng.

Có đủ cơ sở để xác định phía Công ty P (VietNam) đã xuất số lượng hàng hóa cho Công ty R với tổng số tiền là 3.520.056.943 đồng.

Căn cứ vào các thông báo đề nghị thanh toán công nợ lần 1 ngày 27/10/2015; lần 2 ngày 01/12/2015; lần 3 ngày 15/12/2015 thể hiện Công ty P (VietNam) đã thông báo cho Công ty R số tiền chưa thanh toán. Tuy nhiên Công ty R không có phản hồi gì.

Xét việc Công ty R dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đều vắng mặt do đó việc nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng đại lý phân phối hàng hóa số 01/2015/HĐĐL ngày 01/04/2013, các phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa; các hóa đơn giá trị gia tăng, các thư nhắc nợ để yêu cầu Công ty R thanh toán số công nợ còn thiếu tổng cộng là 3.520.056.943 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán, mà nguyên đơn yêu cầu là 0,9%/tháng trên tổng số dư nợ tính từ ngày nhắc nợ 27/10/2015 đến ngày 26/6/2018 tương đương số tiền 1.013.776.400 đồng, là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên và quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tại Điều 306 Luật Thương mại nên có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán, căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên và quy định về mức phạt vi phạm tại Điều 301 Luật thương mại thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% trên tổng số tiền vi phạm tương đương số tiền 281.604.555 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí : Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 112.815.938 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 51.200.569 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Khoản 3 Mục I của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án).

Căn cứ vào Điều 166, Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử :

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P (VietNam).

Buộc Công ty R có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P (VietNam) tổng số tiền gốc, lãi và tiền phạt vi phạm là 4.815.437.898 đồng (Bằng chữ : Bốn tỷ, tám trăm mười lăm triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng).

Thực hiện việc trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty P (VietNam) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty R không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty R còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 112.815.938 đồng

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 51.200.569 đồng theo biên lai thu số 0002766 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

3/- Về quyền kháng cáo :

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND TP HCM
- VKSND Quận 3
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.3
- Các đương sự
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Trần Thị Mỹ Ngọc